

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HUỆ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 08-9-2020

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Văn Châu.

Bà Nguyễn Thị Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 172/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Hồng H - Sinh năm 1989 - Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện Đ, tỉnh L. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 24-8-2020).

Bị đơn: Ông Nguyễn Bảo T - Sinh năm 1990 - Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện Đ, tỉnh L. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 11-8-2020).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07-7-2020, các văn bản tiếp theo nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng H trình bày: bà H và ông Nguyễn Bảo T cưới nhau năm 2013, có đăng ký kết hôn ngày 10-9-2013 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã B, huyện Đ, tỉnh L. Vợ chồng chung sống đến tháng 6 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông T không chăm lo làm ăn, không phụ giúp gia đình, cờ bạc phá tán tài sản gia đình và có hành vi ngược đãi bà H. Gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không được. Mặc dù hiện vẫn sống chung nhà nhưng mâu thuẫn đã trầm trọng nên bà H yêu cầu ly hôn với ông T. Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Bảo Ngọc N (sinh ngày 10-4-2015). Hiện con chung đang sống với bà H và ông T. Bà H yêu cầu

trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: không có tài sản chung, không có nợ chung nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ.

Tại bản tự khai ngày 11-8-2020, ông Nguyễn Bảo T khai thống nhất với lời khai của bà H về điều kiện kết hôn, có 01 con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung. Ông T cho rằng mâu thuẫn phát sinh từ năm 2018. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng tính tình không hợp, không có sự quan tâm chia sẻ với nhau. Ông T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H. Về con chung, ông T đồng ý để bà H trực tiếp nuôi con chung, ông T không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: không có, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền: Bà Phạm Thị Hồng H khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Bảo T. Ông T cư trú tại huyện Đ, tỉnh L nên Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: ông T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như nhưng vắng mặt tại phiên hòa giải 02 lần vì vậy đây là vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà H và ông T vắng mặt tại phiên tòa và cả hai đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của bà H: bà H và ông T xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 10-9-2013 tại UBND xã B, huyện Đ, tỉnh L nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là hôn nhân hợp pháp theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình. Bà H và ông T khai khác nhau về thời gian phát sinh mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn. Nhưng cả bà H và ông T đều không có thiện chí đoàn tụ. Bà H yêu cầu ly hôn thì ông T cũng đồng ý ly hôn. Như vậy tình trạng hôn nhân của bà H và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nên yêu cầu ly hôn của bà H có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Xét yêu cầu trực tiếp nuôi con chung của bà H: Bà H và ông T đều khai thống nhất để cho bà H trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Bảo Ngọc N (sinh ngày 10-4-2015), ông T không cấp dưỡng nuôi con chung. Để đảm bảo quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và sự ổn định để phát triển tốt nhất cho con chung thì giao con chung cho bà H nuôi là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung là sự tự định đoạt của bà H, Hội đồng xét xử ghi nhận, không buộc ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông T cho rằng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án). Ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Hồng H đối với ông Nguyễn Bảo T về việc “ly hôn”;

Về hôn nhân: Cho bà Phạm Thị Hồng H được ly hôn với ông Nguyễn Bảo T.

Về con chung: Bà Phạm Thị Hồng H được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo N, sinh ngày 10-4-2015. Hiện con chung đang sống với bà H. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, bà H và ông T được quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Hồng H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà H đã nộp theo biên lai thu số 0005204 ngày 14-7-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã Bình Hòa Bắc (*ghi số hộ tịch*)
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Thị Bích Liên